

VỀ KHUÔN MẶT MỚI CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM^(*)

• **TS. NGUYỄN NHƯ ẮT**

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam, hai mươi năm qua sự nghiệp giáo dục và đào tạo (GD&ĐT), trong đó có lĩnh vực GD đại học (ĐH) đã và đang tiếp tục được đổi mới toàn diện và thu được những thành tựu lớn, quan trọng. Trong tiến trình đó, đông đảo các nhà khoa học và nhà GD đã nỗ lực nghiên cứu xác lập cơ sở lí luận và thực tiễn cho nội dung và phương thức “đổi mới” nhằm thiết lập một nền GD (trong đó có bộ phận GDĐH) của nước Việt Nam độc lập theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, bước vào thế kỉ XXI. Bởi thế, có rất nhiều hình thức sinh hoạt học thuật được tổ chức và trên các phương tiện thông tin đại chúng đã quảng bá một số lượng rất lớn các bài viết, bài trả lời phỏng vấn nhằm thảo luận, tranh luận đóng góp ý kiến cho sự nghiệp đổi mới GD. Đặc biệt vào quý 4 năm 2005, bạn đọc được đón nhận cuốn sách nhan đề “Về khuôn mặt mới của giáo dục đại học Việt Nam” do Nhà xuất bản đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh (ĐHQG TP HCM) ấn hành. Tác giả sách là GS Phạm Phú, trường Đại học Bách khoa, ĐHQG TP HCM, nhà giáo nhân dân, uỷ viên Hội đồng quốc gia GD.

Sách dày 344 trang, khổ 16x24 cm, đăng tải 52 bài vốn là các bài viết của tác giả cho các hội thảo, hội nghị, các báo và các bài phỏng vấn do các nhà báo thực hiện, đã từng được công bố chủ yếu từ năm 1996 đến 2005 trên nhiều tờ báo và các kỉ yếu của Hội đồng quốc gia GD, của Bộ GD&ĐT. Sách được cụ Lê Văn Giảng, nguyên Thứ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (thời Bộ trưởng Tạ Quang Bửu) và GS TS Dương Thiệu Tống viết lời giới thiệu. Để bạn đọc dễ theo dõi các diễn biến, tác giả đã bố trí các bài theo trật tự thời gian công bố, thành hai phần: Phần 1/ GD đại học gồm 40 bài; phần 2/ Liên quan và hỗ trợ: gồm 12 bài.

Các chủ đề và luận điểm học thuật của tác giả

Tác giả giới thiệu mục tiêu cuốn sách trong “Lời mở đầu”: Nội dung các bài viết bao hàm tương đối nhiều vấn đề trong GD ĐH... Hi vọng rằng qua các bài viết này, người đọc có thể có thêm được: a/ Một số thông tin về GD ĐH VN; b/

thông tin về một số xu thế phát triển GD ĐH trên thế giới và c/ Theo dõi được một phần nào đó những tranh luận xung quanh các vấn đề về GD ĐH trong giai đoạn hiện nay. Từ đó người đọc có thể có thêm dữ liệu để tham gia ý kiến trong những dịp tranh luận và đóng góp cho GD ĐH”.

Nội dung các bài trong sách thể hiện các quan điểm học thuật của tác giả mang sắc thái tranh luận công chúng (public debate) có “tính thời sự” được công bố tản mạn tùy thuộc “tính thời sự” trên nhiều tờ báo, hoặc các kỉ yếu và hội thảo (bởi thế không tránh khỏi tình trạng giữa các bài khác nhau có một số nội dung trùng lặp). Để thấy được hệ thống các ý tưởng học thuật của tác giả đã phát triển, hoàn thiện dần như thế nào thì cần đọc trọn cuốn sách. Người viết bài này tự đặt cho mình mục đích giới thiệu chung cho những ai chưa có dịp tiếp cận sách và chia sẻ ý kiến với các bạn đọc khác đã hơn một lượt “xem kĩ” từ đầu đến cuối, do vậy chúng tôi cố gắng thuật lại nội dung sách theo một số cụm vấn đề dựa vào thu hoạch chủ quan cá nhân (khác với cách tự phân loại của tác giả sách trình bày tại các trang XVIII, XIX, XX, tuy nhiên có tham khảo ý kiến ông).

Đổi mới GD ĐH nói chung (triết lí GD, luật GD, lựa chọn chiến lược)

Chủ đề này tuy chỉ gồm trên 20 bài nhưng là vấn đề cốt lõi, trong đó có các bài mang tính phổ quát và nhiều bài chuyên sâu. Có thể nói tác giả Phạm Phú đang lần đầu đề xuất về mô hình đổi mới (mà ông gọi hình ảnh là “khuôn mặt mới”), của GDĐH VN trong “Kiến nghị gửi Quốc hội - 9 Đề nghị về GD ĐH” (bài 1, 1996)”, sau đó được phát triển và cụ thể hoá dần như “Khuôn mặt mới của GD ĐH”(bài 8, 2000) và loạt bài khác rải rác trong một thập kỉ.

Ý tưởng tổng quát của tác giả thuộc chủ đề này như sau: cần đổi mới tư duy mạnh mẽ mang tính cách mạng để xây dựng mới một nền GDĐH VN trước thềm và mở đầu thế kỉ XXI. Căn cứ khách quan cho sự đổi mới GDĐH là xuất phát từ đặc điểm lịch sử phát triển GDĐH của nước ta đã từng được tiếp nhận các hình mẫu lần lượt của phong kiến Trung Hoa, Pháp, Liên Xô (cũ), một phần của Mĩ và đã có sự cải biến để thích

(*) Giới thiệu cuốn sách của GS Phạm Phú - Về khuôn mặt mới của giáo dục đại học Việt Nam - NXB Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh

hợp với nước ta, nhưng vẫn chưa có được một nền GDĐH cho số đông thực sự đặc thù của nước VN độc lập đang thực hiện công nghiệp hoá (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đất nước, hoà nhập khu vực và thế giới trong xu thế toàn cầu hóa và cạnh tranh quốc tế khốc liệt. Nhưng trước mắt phải có những lựa chọn ưu tiên một chiến lược phát triển GDĐH thích hợp và khả thi sao cho tránh tạo ra khoảng cách đáng kể giữa nhận thức, chủ trương và thực tiễn. Yêu cầu đổi mới này là phải thấy để khắc phục những mâu thuẫn và bất cập hiện nay của nền GD và thực trạng kinh tế - xã hội ta như: i/ So với các nước tương đối phát triển trong khu vực thì chỉ số người biết chữ và học sinh phổ thông nước ta xấp xỉ nhưng lực lượng lao động được đào tạo lại rất thấp ; ii/ Sự phân hóa xã hội về giàu nghèo trong cộng đồng là khá lớn và ngày càng doãng ra đã tạo ra sự phân hoá về cơ hội và quyền tiếp cận GD, nhất là GD ĐH mà nay chưa có các giải pháp khắc phục được, iii/ Nhu cầu được học ĐH trong dân cư ngày càng cao nhưng với mô hình GD ĐH hiện có thì không thể thoả mãn.

Theo ông, cần nghiên cứu sâu các vấn đề trên để xây dựng chiến lược và chính sách phát triển GDĐH VN tương đối dài hạn với tầm nhìn đến những năm 20 của thế kỉ XXI, đồng thời xây dựng có bài bản một hành lang pháp lí về GD và liên quan để Nhà nước quản lí bằng công cụ pháp chế đưa chiến lược, chính sách đó đi vào cuộc sống. Cụ thể ông đóng góp nhiều ý kiến xây dựng luật GD (sửa đổi, bổ sung) như cần thể hiện tư duy đổi mới về triết lí GD, thể hiện vào luật GD các vấn đề lớn và thời sự của đời sống GD và xã hội VN như "GD&ĐT quán triệt quan điểm GD cho mọi người, gắn với nhiệm vụ chiến lược về nâng cao dân trí và "tạo nguồn tài nguyên người cho đất nước", "GDĐH cho số đông", "hội nhập GD khu vực và quốc tế"; đồng thời cần nghiên cứu để thể chế hóa trong luật GD "mối quan hệ giữa dịch vụ GD với cơ chế thị trường định hướng XHCN", v.v... Ngoài ra tác giả đã viện dẫn kinh nghiệm xây dựng Luật GD 1999 của Thái Lan đáng coi là bài học để khắc phục tình hình làm luật GD còn thiếu bài bản của chúng ta hiện nay (tr.220)

Tác giả đã kiến nghị trong bài 21 "Ý tưởng dự án: Xây dựng chương trình hành động cải cách GD"(2004) là phải có mục tiêu, bước đi và kì vọng hợp lí chứ không duy ý chí, cần được sự đồng thuận của xã hội, không vội vã vì theo khuyến cáo của Unesco "Cải cách vội vã là bóp chết cải cách".

Cơ cấu, tổ chức, quản lí hệ thống, chất lượng GDĐH

Xuất phát từ ý tưởng chung nói trên, tác giả đã có trên 25 bài khác bàn cụ thể về mô hình mới của hệ thống GDĐH VN. Cơ cấu của mô hình này cần phải: i/ Chuyển từ nền GDĐH cho số ít (kiểu tinh hoa) sang một nền ĐH cho số đông (kiểu đại trà), coi trọng hai mục tiêu chiến lược nâng cao trình độ dân trí và đào tạo nguồn nhân lực (trong đó phải đào tạo và bồi dưỡng nhân tài). ii/ Xây dựng nền GDĐH phân tầng, đa dạng hoá về mô hình và đa tiêu chí về chất lượng, do vậy nên có ít nhất 3 loại mô hình ĐH cùng tồn tại: lớp 1 phải là các trường công lập trọng điểm quốc gia, nhằm đào tạo nhân lực trình độ cao và phải tham gia sản xuất ra kiến thức (nghiên cứu khoa học và công nghệ), trong đó các ĐH quốc gia phải đi đầu, vươn lên trình độ ĐH khu vực và quốc tế; lớp 2 gồm các trường ĐH đào tạo dài hạn (công lập và ngoài công lập) chủ yếu nhằm đào tạo nguồn nhân lực nói chung; lớp 3 là các trường cao đẳng ngắn hạn (công lập và ngoài công lập), trong đó có mô hình các trường cao đẳng cộng đồng để vừa nâng cao dân trí, vừa đào tạo nhu cầu nhân lực trình độ thấp hơn và thiết thực cho các địa phương. Cần đa dạng hoá các mô hình và tổ chức đào tạo, để vừa có ĐH đào tạo chính quy trong đó coi trọng cả đỉnh cao, vừa nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho số đông dân cư được tiếp cận GDĐH theo nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi cá nhân và của cộng đồng như đào tạo thường xuyên, đào tạo từ xa, các loại hình GD mở. Từ đó nên bình thường hoá quan niệm về GDĐH, coi GDĐH là GD bậc ba hay GD sau trung học phổ thông. iii/ Về mặt quản lí cần chuyển đổi kiểu theo cơ chế tập trung, bao cấp sang cơ chế phi tập trung hoá, trao cho các cơ sở ĐH được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm xã hội; Nhà nước (Chính phủ và cấp Bộ, cấp hành chính địa phương) tập trung làm chức năng quản lí nhà nước về GD. iv/ Để thực hiện cơ chế này thì cần xây dựng "Hội đồng trường" cho từng trường ĐH, là đại diện chủ sở hữu cộng đồng của trường và cấp quản trị tối cao của nhà trường (Có thể nói về điểm này là một cống hiến mang nét rất riêng và sớm của GS Phạm Phú). Quan niệm về chất lượng GDĐH, tác giả cho rằng chất lượng cần hiểu là của một nền GDĐH cho số đông, phân tầng, GD bậc ba; "chất lượng là phù hợp với mục tiêu" do vậy không thể chủ trương chỉ một chất lượng cứng nhắc mà là theo "phổ trình độ", nhìn chất lượng theo tiếp cận hệ thống là của cả hệ thống.

Về nội dung và phương pháp GDĐH

Tuy tác giả lúc đầu khiêm tốn viết "Vài ý kiến tản mạn về giảng dạy ở ĐH" (bài 7,1999)

nhưng sau đó, trong nhiều bài liên tiếp đã phân tích sâu, ví dụ bài 17 “*Chương trình khung của GDDH*” (2003), bài 27 “*GD tổng quát*” (2004), bài 46 “*Kiến thức đơn thuần không cứu vãn được chúng ta*” (2003), v.v... tác giả đã có các đề xuất: GDĐH phải đổi mới cả nội dung đào tạo và cách dạy, không phải theo kinh nghiệm chủ nghĩa mà giảng viên ĐH cần “*học cách dạy*”, thực chất dạy tốt là “*dạy phương pháp*”, do vậy phải cách mạng về phương pháp, lựa chọn kiểu dạy cho phù hợp nội dung và mục tiêu đào tạo. Để chỉ đạo công cuộc đổi mới về nội dung và phương pháp (theo nghĩa rộng gồm cả cơ sở vật chất, trang - thiết bị) GDĐH thì phải đổi mới về cơ sở nhận thức lí luận, xác định rõ mối quan hệ giữa các thành phần kiến thức, trong đó quan trọng là giữa hai khối kiến thức cơ bản và công cụ; phải bổ sung và đổi mới nội dung GD tổng quát; cần quán triệt nguyên tắc “*học suốt đời*”, “*đào tạo nghề liên tục*”, “*xây dựng một xã hội học tập*”, “*hoà nhập quốc tế và hướng theo tiêu chuẩn quốc tế*”. Theo tinh thần đó mà tiến hành “*modul hoá*”, giảm bớt tính hàn lâm và đưa thêm nội dung xã hội - nhân văn - nhận thức vào chương trình. Ông kiến nghị trường ĐH phải là nơi gắn kết giữa truyền thụ và “*sản xuất*” kiến thức (thực hiện nghiên cứu khoa học - công nghệ); GDĐH cần phải gắn với đời sống doanh nghiệp và xã hội. Tác giả nhắc nhở sinh viên “*kiến thức đơn thuần không cứu vãn được chúng ta*” và “*Trí thức là người có khuynh hướng muốn biết*” (bài 46, tr. 281). Tiếp đó ông bàn đến đặc điểm của hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ tại các trường ĐH, nguyên nhân các yếu kém hiện nay của nó và các giải pháp thúc đẩy công tác này.

Về dịch vụ GDĐH với cơ chế thị trường và tài chính ĐH

Chủ đề này là một quan tâm quan trọng của ông kể từ rất sớm và liên tục, đến mức vào thời điểm bản thảo sách đang lên khuôn vẫn còn bổ sung kịp thời (bài 51 và bài 52, 2005). Ông đã có nhiều bài viết dài và trả lời phỏng vấn các báo về vấn đề nóng hổi này. Ông phản đối chủ trương “*thương mại hoá*” thái quá nhưng kiến nghị phải tiếp nhận và xử lí một cách linh hoạt GATS của WTO về “*thương mại hoá dịch vụ GD*” để đảm bảo chủ quyền dân tộc về GD và quyền lợi của người tiêu thụ dịch vụ GDVN. Có thể nhận thấy một số kiến giải mang tính khái quát của ông như: “*Dịch vụ GDĐH là một hàng hoá đặc biệt*” (tr.72); “*“*Dịch vụ GDĐH (chứ không phải GD) là hàng hoá”(tr.176).

Về chính sách tài chính cho GDĐH, ông có ý kiến: Theo kinh nghiệm của thế giới, tài chính cho GDĐH có 4 nguồn: Từ ngân sách Nhà nước,

đóng góp của chính sinh viên (SV), đóng góp của gia đình SV, đóng góp của cộng đồng. Phải xem xét nguồn lực tài chính theo cách nhìn tổng thể từ các nguồn thu trên để xem xét vấn đề gọi là “*chia sẻ chi phí – cost sharing*” sao cho đảm bảo được các yêu cầu của nền GDĐH hiện đại là “*Chất lượng, công bằng và hiệu quả*” ở nước ta. Xem xét vấn đề học phí đối với SV phải tính toán đến tính công bằng xã hội trong hưởng thụ GDĐH của người dân, phải được sự đồng thuận của xã hội, phải nhìn từ hai phía cả trường ĐH và cả quyền lợi SV, cụ thể là không để xảy ra tình trạng vì tăng học phí mà SV nghèo phải bỏ học.

Đối với chính sách trường ĐH tư thực, cần nghiên cứu theo quan điểm GD của Đảng và Nhà nước về xã hội hoá GD, về đa dạng hoá mô hình tổ chức GD và sở hữu cơ sở GD để thực hiện nền GD cho số đông, nhưng thế ông không được “*thương mại hoá*” đối với dịch vụ GD ngoài công lập. Do vậy xây dựng quy chế về tổ chức và hoạt động trường ĐH tư thực (bài 24, bài 25), ông đề nghị Nhà nước không cho tiến hành dịch vụ GDĐH tư thực là một hoạt động kinh doanh “*vì mục tiêu lợi nhuận cực đại*” mà chủ trương người tổ chức dịch vụ này được hưởng “*lợi nhuận thích hợp*”. Ông đã đề xuất phương án tính toán tài chính cho trường tư thực thuộc loại “*có lợi nhuận thích hợp*”(tr. 147).

Tóm lại, Bài viết này chỉ giới thiệu chứ không đánh giá cuốn sách, tuy nhiên người viết tỏ bày tâm đắc chia sẻ với ý kiến của ông Lê Văn Giang trong “*Lời giới thiệu*”. Xin trích vài ý chính: “*Chân lí chỉ được sáng tỏ qua tranh luận... Tôi vui mừng vì được đọc cuốn sách của GS Phạm Phú, không những vì tôi thấy có nhiều điều tôi rất đồng tình với tác giả, mà tôi còn vui mừng vì biết được rõ ràng hơn, kĩ hơn những cơ sở của ý kiến không giống với cách suy nghĩ của tôi... Muốn tranh luận vì lợi ích của đất nước, phải tìm cẩn thận, đầy đủ và chính xác những ý kiến khác với mình... Tôi mong, cũng như GS Phạm Phú mong là các độc giả của cuốn sách này - kể các các cơ quan có trách nhiệm về GD ở nước ta - sẽ tham gia tích cực hơn vào cuộc tranh luận đang diễn ra về “*quốc sách hàng đầu*” ở nước ta”.*

SUMMARY

The author introduces the book “On the Fresh Face of Vietnamese Higher Education” by Prof. Pham Phu, printed by the National University Publishing House, Ho Chi Minh City in 2005 with emphasis on such major contents as academic arguments, higher education renewal, structure, organization, management and quality of higher education